

NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (TMĐT)

TS. Lê Tuệ *, ThS. Nguyễn Gia Tuấn Anh ¹

TÓM TẮT: Sự bùng nổ của CNTT, sự phát triển mạnh mẽ của Internet cộng với tính hội nhập, TMĐT ra đời như là một tất yếu. Sự phát triển của TMĐT phụ thuộc rất nhiều yếu tố, trong đó có một yếu tố được xem như là quan trọng nhất đó chính là nguồn nhân lực CNTT cho TMĐT. Để TMĐT cất cánh chúng ta phải có cái nhìn tổng thể về TMĐT trên các yếu tố: Sự cần thiết của TMĐT, những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của TMĐT, nguồn nhân lực và việc sử dụng CNTT trong sự nghiệp phát triển TMĐT.

1. Đặt vấn đề

- Một số đặc trưng trong thời đại mới:
 - o Nền kinh tế tri thức.
 - o Tính hội nhập.
 - o Sự chi phối của CNTT.
- Đã ảnh hưởng cả chiều sâu và rộng đến nhiều lĩnh vực.
- Chúng tôi chỉ muốn bàn đến 1 lĩnh vực nhỏ:

TMĐT và nguồn nhân lực CNTT phục vụ cho TMĐT

- Và các câu hỏi cần trả lời:
 - o Tại sao phải sử dụng TMĐT trong bối cảnh mới?
 - o Hiện trạng TMĐT như thế nào trên thế giới?
 - o TMĐT tại Việt Nam trong những năm qua?
 - o Các yếu tố tác động lên sự phát triển TMĐT?
 - o Nguồn nhân lực CNTT: số lượng và chất lượng?
 - o Sử dụng CNTT trong TMĐT như thế nào?
 - o Giải pháp ở các quy mô:
 - ❖ Tâm nhà nước.
 - ❖ Tâm doanh nghiệp.
 - ❖ Khối CE và ĐH.

2. Giải quyết vấn đề:

2.1. Sự cần thiết của TMĐT

- a. Doanh nghiệp
 - Giảm chi phí

¹ Trường Cao đẳng Bán công Công nghệ thông tin Tp.HCM

- ✓ Sản xuất.
- ✓ Bán hàng, tiếp thị.
- ✓ Giao dịch.

Nhằm thông tin đa dạng.

b. Tiêu dùng

- ✓ Tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.
- ✓ Bỏ các khâu trung gian.
- ✓ Tiếp xúc thị trường rộng lớn trong và ngoài nước.

c. Chính phủ

- ✓ Tăng cường giao tiếp hiểu biết giữa chính phủ và doanh nghiệp.
- ✓ Tinh giảm bộ máy hành chính, báo cáo thông kê nhanh chính xác.
- ✓ Tăng cường giao dịch TMĐT giữa các chính phủ.

2.2. Hiện trạng TMĐT trên thế giới như thế nào?

a. Bảng mô tả 1.2

- Doanh số TMĐT

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003 ^(*)
Nguồn 1	-	16	18	31	71	600	-	1000	1310
Nguồn 2	0,3	2,2	12,9	39,9	95,2	186,9	298,8	446,3	
Nguồn 3	-								4400

- Phân bố TMĐT

	1998	2003 ^(*)
Mỹ	74%	53%
Tây Âu	11%	33%
Canada	7%	4%
Nhật	4%	3%
Châu Á	1%	2%
Các nơi khác	3%	4%

Chú thích:

- (*): dự đoán
- Nguồn 1: "Nhận thức và sự chuẩn bị của các DNVN theo mục tiêu hiện đại hóa vận dụng TMĐT" - Lê Hồng Hà; Giám đốc Cty tin học Hà Thăng. Tổng thư kí Hội Tin học - Viễn Thông Hà Nội.
- Nguồn 2: Thời báo kinh tế Việt Nam.
- Nguồn 3: Gartner Group.

b. Tình hình đào tạo TMĐT

Phong phú, đa dạng về

Hình thức đào tạo: Truyền thống và qua mạng.

Đơn vị đào tạo: Các trung tâm, các trường đại học và các học viện.

Văn bằng đào tạo: Chứng chỉ ngắn hạn, chuyên viên, cử nhân và thạc sĩ.

2.3. TMĐT của VN trong những năm qua

a. Chính phủ

Công văn :

- Công văn 363/VPCP-VPUB giao Bộ thương mại lấy ý kiến các cơ quan xây dựng đề án lập hội đồng quốc gia về TMĐT.
- Công văn 59/UB-VP giao Bộ thương mại, Bộ KH-CN và MT, Tổng cục Hải quan nghiên cứu việc Việt Nam tham gia TMĐT.
- Công văn 2815/VPCP-VPUB giao Bộ thương mại phối hợp với Tổng cục Bưu điện và Ngân hàng triển khai các dự án áp dụng TMĐT tại Việt Nam.

○ . . .

Dự án:

- Đề án "Thành lập Hội đồng quốc gia về TMĐT".
- Đề án "Từng bước tham gia và áp dụng TMĐT".
- Đề án "Lập Trường TMĐT ở Việt Nam".
- Đề án "Đạo luật mẫu về TMĐT".

○ . . .

b. Ứng dụng

80.000 doanh nghiệp

- ✓ 7% ứng dụng CNTT.
- ✓ 3% có website và thực hiện một số khâu TMĐT.

Một số website điển hình

- ✓ Nhà sách Fahasa.
- ✓ Nhà sách Minh Khai.
- ✓ Siêu thị máy tính Supersky.
- ✓ . . .

c. Khối Cao Đẳng và Đại học

ĐH Thương mại:

Tổ chức hội thảo:

"TMĐT với đổi mới và phát triển đào tạo kinh tế, quản trị kinh doanh của các trường đại học nước ta"

Xây dựng chương trình quản trị TMĐT cho khối ĐH.

CĐ CNTT Tp. HCM:

Tổ chức hội thảo:

"Thương mại điện tử và vấn đề nguồn nhân lực Việt Nam".

Xây dựng 2 chương trình:

- ✓ Chương trình ngắn hạn.
- ✓ Chương trình dài hạn.

Các trường Đại Học khác:

- ✓ ĐH Kinh tế kết hợp với ĐH Fullerton hợp tác khai giảng đào tạo lấy chứng chỉ TMĐT ứng dụng.
- ✓ ĐH Quốc Gia Tp. HCM và Viện Quản trị doanh nghiệp Brussels (Bi) liên kết đào tạo cho chuyên ngành: TMĐT.

Đơn vị khác

- ✓ NIIT liên kết với trường CĐ Hoa Sen đào tạo Lập trình viên TMĐT và chuyên viên phát triển Website.
- ✓ Học viện Kent Cbam Australia đào tạo Chuyên viên TMĐT.

2.4. Các yếu tố tác động lên sự phát triển TMĐT

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Cần có chi phí sử dụng thấp.

Hệ thống viễn thông hiện đại.

Nền công nghiệp điện tử tiên tiến.

Hệ thống thanh toán điện tử

Phát triển sâu và rộng.

Khả năng bảo mật

An toàn cao.

Kiểm soát chặt chẽ.

Hệ thống pháp lý

Phục vụ chữ ký điện tử.

Sở hữu nhãn hiệu.

Quyền lợi và sản xuất vì người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn hoá công nghiệp

Theo chuẩn quốc tế

Kiểm soát theo luật pháp

2.5. Nguồn nhân lực CNTT

a. Số lượng

- + Đơn vị đào tạo CNTT chính quy
Chưa kể đào tạo Kỹ thuật viên và phi chính quy.
- + Số lượng sinh viên ra trường

Chức danh	Số lượng									Tổng cộng
	6 tháng cuối 2004			6 tháng đầu 2005			6 tháng cuối 2005			
CD, ĐH Và sau ĐH	Số lượng	Trong nước	Quốc tế	Số lượng	Trong nước	Quốc tế	Số lượng	Trong nước	Quốc tế	
	3371	2875	496	1494	1057	437	2041	1402	639	6906

b. Chất lượng đào tạo (Đánh giá của doanh nghiệp)

- Thiếu khả năng về mạng, tích hợp hệ thống.

- Khai thác các ứng dụng trên nền Windows.
- Các môn học chuyên sâu về TMĐT chưa có.
- Giáo viên giảng dạy các môn TMĐT còn ít.
- Khả năng làm việc theo nhóm yếu.
- Thiếu kiến thức về chuyên ngành, thực tiễn.

2.6. Sử dụng CNTT cho TMĐT như thế nào?

- Kỹ thuật viên TMĐT
*Phân tích, thiết kế.
 Xây dựng website.
 Xây dựng hệ CSDL, an toàn hệ thống.
 Các môn học nền tảng: Cơ sở dữ liệu, an toàn bảo mật mạng, thiết kế Web và lập trình ứng dụng trên Web, các kỹ năng xử lý ảnh và đồ họa, quản trị Web Server, v.v..*
- Quản trị viên TMĐT
*Thực hiện giao dịch.
 Tìm kiếm thông tin.
 Thực hiện báo cáo, thống kê.
 Các môn học: Quản trị và kinh doanh trên mạng, khai thác Internet, Luật thương mại và thương mại điện tử, hệ thống thông tin quản trị trong TMĐT, .*
- Người sử dụng TMĐT
*Thực hiện giao dịch.
 Tìm kiếm thông tin.
 Các hiểu biết cần thiết: TMĐT cơ bản, khai thác và sử dụng Internet, .*

2.7. Giải pháp

- Khảo sát, đánh giá nguồn nhân lực CNTT cho TMĐT trên nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương.
- Khảo sát, đánh giá hiện trạng TMĐT trên nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương.
- Dự báo phát triển TMĐT trong giai đoạn 2005-2010, 2010-2020, ..
- Áp dụng nhiều phương pháp dự báo đảm bảo cho sự hội tụ.

Đề ra giải pháp cho:

Chính phủ : Nhằm tìm ra

- ✓ *Chiến lược phát triển TMĐT.*
- ✓ *Chính sách cho TMĐT.*

Doanh nghiệp dùng số liệu dự báo để:

- ✓ *Sử dụng nguồn nhân lực.*
- ✓ *Áp dụng TMĐT cho doanh nghiệp.*

Đại Học và Cao Đẳng dùng số liệu dự báo phục vụ cho nhu cầu về:

- ✓ *Số lượng đào tạo.*
- ✓ *Nội dung đào tạo.*

3. Kết luận

- TMĐT là 1 tất yếu của nền kinh tế tri thức và hội nhập.
- Đào tạo TMĐT dưới dạng một số môn học là chưa đủ, cần có các ngành đào tạo chuyên biệt.
- Cần có sự khảo sát, đánh giá nghiêm túc nguồn nhân lực CNTT cho phát triển TMĐT ở nhiều giai đoạn.
- Có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực CNTT cho TMĐT.